

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

Cán bộ tham gia đề tài nghiên cứu khoa học sản xuất năm học 2023 - 2024
TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký HĐ	Ngày thanh lý/ Nghiệm thu	Tổng giá trị HĐ	Tổng số tiền chuyển về	Chủ nhiệm công trình	Thành viên tham gia
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu	2212/2023/HĐKT/STNMT-CODECO (HĐ 128/2023-CODECO)	22/12/2023	31/12/2023	2.718.015.480	1.429.232.933	Nguyễn Hữu Hiệp	Thái Hải Âu Vũ Thái Linh Nguyễn Văn Hùng Phạm Minh Tuấn

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Lan

Mã hiệu:

Số:

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

(Áp dụng đối với các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh tế sự nghiệp)

- Đơn vị sử dụng ngân sách: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu
- Mã đơn vị: 1089242 Mã nguồn: 12
- Mã CTMTQG, Dự án ODA:
- Căn cứ Hợp đồng số: 2212/2023/HĐKT/STNMT-CODECO ký ngày 22/12/2023 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu với Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất;
- Căn cứ Biên bản nghiệm thu ngày 31 tháng 12 năm 2023 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu và Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Chi phí xây dựng cơ sở dữ liệu	CSDL	1	1.429.232.933	1.429.232.933
TỔNG SỐ:					1.429.232.933

- Lũy kế thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: 0 đồng;
- Thanh toán tạm ứng: 0 đồng;
- Thanh toán trực tiếp: 0 đồng;
- Số dư tạm ứng đến cuối kỳ trước: 0 đồng;
- Số đề nghị thanh toán kỳ này: 1.429.232.933 đồng;
- Thanh toán tạm ứng: 0 đồng;
- Thanh toán trực tiếp: 1.429.232.933 đồng.

**ĐẠI DIỆN NHÀ CUNG CẤP
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)


GIÁM ĐỐC
 PGS.TS. Trần Đình Kiên

Ngày tháng năm 2023

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)


PHÓ GIÁM ĐỐC
 Ngô Xuân Hùng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

(Số: 22.12/2023/BBTT)

Thương thảo thực hiện gói thầu số 5 “Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu”

I. CÁC CĂN CỨ THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Đề cương và dự toán nhiệm vụ: Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu”;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-STNMT ngày 30/11/2023 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT) gói thầu số 05: Xây dựng phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu thuộc nhiệm vụ: Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật gói thầu: Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu số 21.12/2023/BCĐGKT-SASIC ngày 21/12/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Đông Nam Á;

Căn cứ Báo cáo thẩm định kết quả đánh giá E- hồ sơ đề xuất kỹ thuật gói thầu: Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh

Lai Châu số 2112/2023/BCTĐ-ĐXKT ngày 21/12/2023 của Công ty Cổ phần Tư vấn – Đầu tư xây dựng và Chuyển giao công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính gói thầu “Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu” số 22.12/2023/BCĐGTC-SASIC ngày 22/12/2023 của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và dịch vụ Đông Nam Á,

Căn cứ Thông báo số /TB-STNMT ngày 22/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu về việc mời thương thảo hợp đồng gói thầu “Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu”;

Hôm nay, ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN A: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LAI CHÂU

Địa chỉ : Trung tâm hành chính chính trị tỉnh Lai Châu, đường Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu

Điện thoại : 0213.379.1905

Mã ĐVQHNS: 1089242

Tài khoản số : 9527.2.1089242

Mở tại : Kho bạc Nhà nước tỉnh Lai Châu

Đại diện : Ông Ngô Xuân Hùng Chức vụ: Phó Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ: Số 36 ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.7550428

Mã số thuế: 0101074336

Số tài khoản: 111000037499

Mở tại: Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội

Đại diện là: Ông Trần Đình Kiên Chức vụ: Giám đốc.

II. NỘI DUNG THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

1. Nội dung công việc:

Bên A thống nhất giao bên B thực hiện gói thầu “Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu”.

Nội dung, khối lượng công việc, yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, số lượng sản phẩm của hợp đồng theo hồ sơ mời thầu (E-HSMT), hồ sơ dự thầu (E-HSDT) và đảm bảo theo quy định hiện hành.

2. Giá trị hợp đồng, tạm ứng và phương thức thanh toán:

- Hai bên thống nhất giá trị hợp đồng: **2.718.015.480 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, bảy trăm mười tám triệu, không trăm mười năm nghìn, bốn trăm tám mươi đồng). Giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế VAT (chi tiết theo phụ lục đính kèm)

- Bên B cung cấp một Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho bên A bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn thư bảo lãnh, khi có văn bản của Bên A thông báo Bên B vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 135.900.774 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu chín trăm nghìn bảy trăm bảy mươi tư đồng chẵn) tương ứng 5% giá trị hợp đồng. Để thực hiện hợp đồng Bên B chịu trách nhiệm nộp chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư.

- Hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng, hai bên ký biên bản nghiệm thu và bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và bên B chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng thì vào thời điểm 05 ngày trước khi hết hạn, bên B phải gia hạn giá trị của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

- Hoàn trả Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên B sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- + Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
 - + Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
 - + Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
- Thời hạn hoàn trả Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không chậm hơn 30

ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Bên B đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

- Thanh toán: Việc thanh toán được thực hiện theo tiến độ bố trí ngân sách của UBND tỉnh giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường hằng năm và khối lượng công việc hoàn thành theo giai đoạn được nghiệm thu theo quy định.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

4. Thời gian hợp đồng: 45 ngày

Bên B có trách nhiệm tập trung toàn bộ nhân lực, trang thiết bị để thực hiện hoàn thành các nội dung công việc của hợp đồng đảm bảo chất lượng và tiến độ. Hạn chế tối đa việc gia hạn, tiến độ thời gian, điều chỉnh khối lượng, chất lượng công việc đã được ký Hợp đồng giữa Hai bên.


Sau khi ký Hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng nếu có phát sinh, khó khăn, vướng mắc (nằm ngoài Hợp đồng đã ký giữa 2 Bên), Bên B phải kịp thời thông báo cho Bên A bằng văn bản để làm cơ sở cho Bên A xem xét, chấp thuận theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh có phương án giải quyết phù hợp.

5. Biên bản này là cơ sở để Bên A trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả lựa chọn Bên B thực hiện gói thầu “Xây dựng danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Lai Châu” và làm cơ sở để hai bên ký kết hợp đồng kinh tế.

Việc thương thảo Hợp đồng kết thúc vào 17 giờ ngày 22/12/2023. Biên bản thương thảo hợp đồng được lập thành 08 bản, có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 06 bản, Bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Ngô Xuân Hùng

ĐẠI DIỆN BÊN B

PGS.TS. Trần Đình Kiên

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG, GIÁ TRỊ

(Kèm theo Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu và Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất - CODECO)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ghi chú
1	Chi phí phần mềm nội bộ	1.262.315.271	0	1.262.315.271	Chi tiết tại phụ lục số 1
2	Chi phí xây dựng cơ sở dữ liệu	1.323.363.826	132.336.383	1.455.700.209	Chi tiết tại phụ lục số 2
Tổng giá trị		2.585.679.142	132.336.383	2.718.015.480	

(Bằng chữ: Hai tỷ bảy trăm mười tám triệu không trăm mười lăm nghìn bốn trăm tám mươi đồng).

PHỤ LỤC SỐ 1. GIÁ TRỊ XÂY DỰNG PHẦN MỀM NỘI BỘ

(Kèm theo Biên bản thương thảo hợp đồng ngày tháng năm 2023 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu và Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất - CODECO)

Đơn vị tính: đồng

TT	KHOẢN CHI	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
1	Giá trị phần mềm	$1.4 \times \text{Exp} \times \text{H}$	721.735.458	G
2	Chi phí chung	$\text{G} \times \text{Tỷ lệ}$	469.128.003	C
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(\text{G} + \text{C}) \times \text{Tỷ lệ}$	71.451.810	TL
4	Chi phí phần mềm	$\text{G} + \text{C} + \text{TL}$	1.262.315.271	GPM
TỔNG CỘNG (làm tròn):		GPM	1.262.315.271	

(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm sáu hai triệu ba trăm mười lăm nghìn hai trăm bảy một đồng)

PHỤ LỤC SỐ 2. GIÁ TRỊ XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

(Kèm theo Biên bản thương thảo hợp đồng ngày tháng năm 2023 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu và Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất - CODECO)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá sản phẩm	Thành tiền
I	RÀ SOÁT VÀ PHÂN TÍCH NỘI DUNG THÔNG TIN DỮ LIỆU				519.851.703
1	Rà soát, phân loại các thông tin dữ liệu cần đưa vào cơ sở dữ liệu				2.112.372
1.1	Rà soát, đánh giá và phân loại chi tiết dữ liệu đã được chuẩn hóa và chưa được chuẩn hóa	Bộ dữ liệu	1	1.174.510	1.174.510
1.2	Chuẩn bị dữ liệu mẫu	Bộ dữ liệu	1	937.862	937.862
2	Phân tích nội dung thông tin dữ liệu				517.739.331
2.1	Xác định danh mục các đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0	2.814.273	30.948.564
2.2	Xác định chi tiết các thông tin cho từng đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0	25.177.648	276.878.591
2.3	Xác định chi tiết các ràng buộc giữa các đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0	7.146.699	78.592.248
2.3	Xác định chi tiết các ràng buộc giữa các đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0	9.289.386	102.155.377
2.4	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng cơ sở dữ liệu	CSDL	1	1.623.679	1.623.679
2.5	Xác định chi tiết các tài liệu quét (tài liệu đính kèm) và các tài liệu dạng giấy cần nhập vào cơ sở dữ liệu từ bàn phím	Bộ dữ liệu	1	1.128.143	1.128.143
2.6	Xác định khung danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu sử dụng trong cơ sở dữ liệu	CSDL	1	25.840.707	25.840.707
2.7	Quy đổi đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0	52.016	572.023
II	THIẾT KẾ MÔ HÌNH CƠ SỞ DỮ LIỆU				178.492.883
1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu.	CSDL	1	9.755.947	9.755.947
2	Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu	ĐTQL	11,0	14.318.190	157.457.138
3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình dữ liệu	ĐTQL	11,0	1.025.716	11.279.798

STT	Nội dung	Đơn vị	Khối	Đơn giá	Thành tiền
III	TẠO LẬP DỮ LIỆU CHO DANH MỤC DỮ LIỆU, SIÊU DỮ LIỆU				85.398.179
1	Tạo lập nội dung cho danh mục dữ liệu	ĐTQL	11,0	4.314.084	47.441.981
2	Tạo lập nội dung cho siêu dữ liệu	ĐTQL	11,0	3.451.505	37.956.197
IV	TẠO LẬP DỮ LIỆU CHO CƠ SỞ DỮ LIỆU				141.037.997
1	Chuyển đổi dữ liệu				133.186.555
1.1	Chuẩn hóa phong chữ	ĐTQL	1,1	12.138.826	13.886.817
1.2	Chuẩn hóa dữ liệu phi không gian theo thiết kế mô hình.	ĐTQL	9,9	8.217.709	80.969.084
1.3	Chuyển đổi dữ liệu sau khi đã được chuẩn hóa vào CSDL	ĐTQL	11,0	3.485.556	38.330.654
2	Quét tài liệu				4.943.780
2.1	Quét (chụp) các tài liệu	Trang A4	2400	1.575	3.780.715
2.2	Xử lý và đính kèm tài liệu quét	Trang A4	2400	485	1.163.065
3	Nhập, đối soát dữ liệu				2.907.662
3.1	Nhập dữ liệu dạng giấy phi không gian				2.266.452
3.1.1	Nhập dữ liệu có cấu trúc cho đối tượng phi không gian	Trường	2000	603	1.206.239
3.1.2	Nhập dữ liệu có cấu trúc cho đối tượng không gian	Trường	1000	1.060	1.060.213
3.2	Đối soát dữ liệu				641.211
3.2.1	Đối soát dữ liệu có cấu trúc cho đối tượng phi không gian	Trường	2000	176	351.291
3.2.2	Đối soát dữ liệu có cấu trúc cho đối tượng không gian	Trường	1000	290	289.919
V	BIÊN TẬP DỮ LIỆU				193.710.427
1	Tuyên bố đối tượng	ĐTQL	1,1	15.025.966	17.189.705
2	Sửa lỗi tương quan của dữ liệu không gian	ĐTQL	1,1	20.033.691	22.918.542
3	Hiệu đính nội dung cho dữ liệu phi không gian	ĐTQL	9,9	15.025.966	148.050.842
4	Trình bày hiển thị dữ liệu không gian	ĐTQL	1,1	4.852.568	5.551.337
VI	KIỂM TRA SẢN PHẨM				151.697.489

STT	Nội dung	Đơn vị	Khối	Đơn giá	Thành tiền
1	Kiểm tra mô hình dữ liệu	ĐTQL	11,0	2.088.631	22.968.675
2	Kiểm tra nội dung CSDL	ĐTQL	11,0	8.574.747	94.296.490
3	Kiểm tra danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu	ĐTQL	11,0	3.131.065	34.432.323
VII	PHỤC VỤ NGHIỆM THU VÀ GIAO NỘP SẢN PHẨM				53.175.149
1	Lập báo cáo tổng kết kỹ thuật và phục vụ nghiệm thu sản phẩm	ĐTQL	11,0	4.333.309	47.653.397
2	Đóng gói các sản phẩm dạng giấy và dạng số	ĐTQL	11,0	483.430	5.316.280
3	Giao nộp sản phẩm	CSDL	1	205.472	205.472
	TỔNG TIỀN				1.323.363.826

(Bằng chữ: Một tỷ ba trăm hai ba triệu ba trăm sáu ba nghìn tám trăm hai sáu đồng)

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN GÓI THẦU

Tên gói thầu: Gói thầu số 05: “Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu”

Dự án/dự toán mua sắm: Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Ký ngày: Ngày 22 tháng 12 năm 2023

HỢP ĐỒNG

Số: 2212/2023/HĐKT/STNMT-CODECO

Gói thầu số 05: “Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Thông tư 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Đề cương và dự toán nhiệm vụ: Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu”;

Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng ký ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lai Châu và Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất.

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-STNMT ngày 22/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu *Gói thầu số 05: “Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu”;*

Hôm nay, ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu, chúng tôi đại diện cho các bên ký hợp đồng gồm:

I. Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LAI CHÂU**

Địa chỉ: Tầng 3, nhà F, Trung tâm hành chính, chính trị tỉnh Lai Châu, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Điện thoại: 0213.379.1905

Mã ĐVQHNS: 1089242

Tài khoản: 9527.2.1089242 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lai Châu

Mã số thuế: 6200022442

Đại diện là Ông: **Ngô Xuân Hùng**

Chức vụ: Phó Giám đốc

II. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Đơn vị trúng thầu: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất 755 0428

Tài khoản: 111000037499 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội

Mã số thuế: 0101074336

Đại diện là Ông: **Trần Đình Kiên**

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thi công Gói thầu số 05: Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu, với các nội dung sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Trong Hợp đồng này các từ và cụm từ được hiểu như sau:

1. Chủ đầu tư là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu; Tầng 3, Nhà F, Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (Gọi tắt là Bên A).

2. Hợp đồng là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư (Bên A) và Nhà thầu (Bên B), thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.

3. Nhà thầu là Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất (Gọi tắt là Bên B).

4. Tài liệu hợp đồng nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng.

5. Giá trị hợp đồng là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).

6. Ngày là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch.

7. Dịch vụ phi tư vấn bao gồm một hoặc một số hoạt động: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, lắp đặt, nghiệm thu chạy thử, tổ chức đào tạo, bảo trì, bảo dưỡng, vẽ bản đồ và hoạt động khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 8

Điều 4 Luật Đấu thầu.

8. Hoàn thành là việc Nhà thầu hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng và được Chủ đầu tư chấp thuận.

9. Địa điểm là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu.

10. “Bên” là chủ đầu tư hoặc nhà thầu tùy từng trường hợp.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

1. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm:

- a) Văn bản hợp đồng (kèm theo Bảng giá hàng hóa và các phụ lục khác);
- b) Biên bản thương thảo hợp đồng;
- c) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- d) Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
- đ) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);

e) E-HSMT và các tài liệu bổ sung E-HSMT (nếu có);

g) Các tài liệu kèm theo khác, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng theo thứ tự quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3: Luật và ngôn ngữ sử dụng

1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam;

2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 4: Thông báo

1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, các thông báo cần gửi về Bên A theo địa chỉ dưới đây:

Người nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu.

Địa chỉ: Tầng 3 nhà F, Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Điện thoại: (0213) 3.791.905

2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

Điều 5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Bên B cung cấp một Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho bên A bất cứ khoản tiền nào

trong giới hạn thư bảo lãnh, khi có văn bản của Bên A thông báo Bên B vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

- **Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng:** 135.900.774 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu chín trăm nghìn bảy trăm bảy mươi tư đồng chẵn) tương ứng 5% giá trị hợp đồng. Để thực hiện hợp đồng Bên B chịu trách nhiệm nộp chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư.

- **Hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng:** Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng, hai bên ký biên bản nghiệm thu và bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng Bên B phải cung cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên A. Nếu các điều khoản của đảm bảo thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và bên B chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng thì vào thời điểm 05 ngày trước khi hết hạn, bên B phải gia hạn giá trị của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

- **Hoàn trả Bảo đảm thực hiện hợp đồng:** Bên B sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- + Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- + Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- + Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

2. Thời hạn hoàn trả Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không chậm hơn 30 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Bên B đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

Điều 6: Giải quyết tranh chấp

Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

- Thời gian để tiến hành hòa giải: tối đa 30 ngày làm việc.
- Giải quyết tranh chấp: Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

- Chi phí giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua kiện chịu.

Điều 7. Nội dung và khối lượng công việc

1. Nội dung công việc

Bên A giao cho Bên B thực hiện thi công Gói thầu số 05: Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo khối lượng, chất lượng sản phẩm được phê duyệt tại Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh Lai Châu và các yêu cầu trong hồ sơ mời thầu của bên A; các đề xuất trong hồ sơ dự thầu của bên B được bên A chấp thuận.

(Chi tiết nội dung công việc có phụ lục kèm theo).

2. Khối lượng công việc

Các công việc được thực hiện tại Gói thầu số 05: Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 8. Thời gian, tiến độ thực hiện hợp đồng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng: Bên B phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của hợp đồng sau 45 ngày (tính cả ngày lễ và ngày nghỉ), kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Tiến độ thực hiện hợp đồng: Căn cứ vào thời gian thực hiện hợp đồng, bên B phải lập tiến độ thi công chi tiết cho Bên A, tiến độ thi công phải nộp trong vòng 10 ngày sau ngày thi công.

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của Bên A

- Yêu cầu bên B cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu có liên quan đến việc thực hiện gói thầu cho bên A theo quy định;

- Đơn phương chấm dứt hợp đồng khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện bên B không trung thực của các nhân sự trong HSĐT;

- Từ chối nghiệm thu thanh toán công việc không hợp lý ngoài nội dung hợp đồng, các công việc không đảm bảo chất lượng;

- Từ chối thanh toán, chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B không đảm bảo chất lượng, yêu cầu; không bố trí nhân sự đảm bảo yêu cầu thực hiện gói thầu hoặc không gửi hồ sơ nghiệm thu thanh toán và các hóa đơn chứng từ khác theo quy định đến bên A;

- Cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu có liên quan đến việc thực hiện gói thầu cho bên B theo quy định;

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc phối hợp với bên B trong quá trình thực hiện gói thầu;

- Chỉ đạo đơn vị giám sát, kiểm tra, nghiệm thu trong suốt quá trình bên B thực hiện gói thầu;

- Thanh quyết toán kịp thời cho bên B khi được cấp thẩm quyền bố trí kinh phí.

Điều 10. Quyền và trách nhiệm của Bên B

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của các nhân sự chủ chốt trong HSDT;
- Đề nghị bên A cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu có liên quan để thực hiện gói thầu;
- Được quyền từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của bên A;
- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật đối với các nhiệm vụ trong gói thầu mà bên B thực hiện;
- Chấp hành các quy định của địa phương trong thời gian thi công, đảm bảo tốt mối quan hệ giữa nhân dân và chính quyền địa phương;
- Thi công đúng yêu cầu khối lượng, chất lượng sản phẩm được phê duyệt tại Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh Lai Châu và các yêu cầu trong hồ sơ mời thầu của bên A; các đề xuất trong hồ sơ dự thầu của bên B được bên A chấp thuận;
- Bên B phải lập kế hoạch thi công chi tiết gửi bên A và tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đã lập. Cử cán bộ chuyên môn kỹ thuật của mình tự kiểm tra chất lượng, khối lượng của tất cả các hạng mục thi công, sản phẩm do đơn vị mình thực hiện và lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp đơn vị thi công theo quy định;
- Bên B phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của bên A trong khoảng thời gian 03 ngày, nếu trong khoảng thời gian này mà bên B không trả lời thì coi như bên B đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của bên A;
- Hoàn thành công trình đúng thời hạn hợp đồng và bàn giao đầy đủ các sản phẩm, tài liệu, hồ sơ có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng cho bên A, lập hồ sơ thanh quyết toán công trình theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.

Điều 12. Giá trị hợp đồng

- **Giá trị hợp đồng: 2.718.015.480 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, bảy trăm mười tám triệu, không trăm mười năm nghìn, bốn trăm tám mươi đồng)

Điều 13. Điều chỉnh giá hợp đồng: Không áp dụng.

Điều 14. Tạm ứng: Không

Điều 15. Thanh toán

- Căn cứ vào dự toán và các thoả thuận trong hợp đồng, trên cơ sở khối lượng thực hiện, Bên A thanh toán cho bên B theo khối lượng đã được kiểm tra, nghiệm

thu và thanh toán toàn bộ hợp đồng sau khi công việc hoàn thành, được cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí.

- Sau khi bàn giao sản phẩm hoàn thành, hai bên tiến hành nghiệm thu thanh toán và thanh lý hợp đồng. Bên A thanh toán cho bên B đến 90% giá trị hợp đồng khi được cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí; Thanh toán 100% giá trị hợp đồng khi được cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí và được quyết toán dự án hoàn thành.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

- Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

- Tài khoản thanh toán: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất. **Số Tài khoản:** 111000037499. Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội.

- Việc giám trừ thanh toán trên cơ sở chất lượng dịch vụ nghiệm thu hoàn thành được thực hiện theo quy định.

Điều 16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng

1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Bên B cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.

2. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của dịch vụ phi tư vấn trong khuôn khổ Hợp đồng thuộc quyền sở hữu của Bên A. Bên B có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.

Điều 17. Phạt và Bồi thường thiệt hại

1. Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 18, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên A có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường quy cho mỗi ngày chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Khi đạt đến mức tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 21 của hợp đồng này. Cụ thể mức bồi thường thiệt hại là:

a) 1%/ngày do việc vi phạm chậm tiến độ. Tổng số giá trị phạt không quá 12% giá trị hợp đồng và được khấu trừ vào tiền thanh toán hợp đồng.

b) 12% giá trị hợp đồng nếu Bên B vi phạm đảm bảo chất lượng thực hiện gói thầu.

c) 12% giá trị hợp đồng nếu hoàn toàn không thực hiện hợp đồng đã ký.

d) Nếu Bên B không thực hiện hợp đồng hoặc tiến độ chậm quá 30 ngày do lỗi của Bên B hoặc vi phạm nghiêm trọng đảm bảo chất lượng cho công trình thì Bên A có quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng.

đ) Đền bù thiệt hại: Trường hợp các lỗi vi phạm của Bên B như đã nêu tại điểm a, b, c và d Khoản này là nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại về người, tài sản, tiền của của Bên A hoặc một bên thứ ba, ngoài việc bị phạt nêu trên và bị tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng, Bên B phải chịu trách nhiệm pháp lý về cam kết của mình và phải đền bù toàn bộ các thiệt hại do lỗi vi phạm của Bên B gây ra cho Bên A hoặc bên thứ ba theo pháp luật quy định. Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là 36% giá hợp đồng.

2. Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Bên A, Bên B có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với tỷ lệ phần trăm (%) dùng để tính tiền phạt thực hiện hợp đồng là 10%.

3. Việc bồi thường thiệt hại thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 18. Bất khả kháng

1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên A phải xem xét để bồi hoàn cho Bên B các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 7 hợp đồng này.

Điều 19. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1 Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường

hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

c) Thay đổi người đại diện theo pháp luật.

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 20. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu phát sinh các yếu tố khách quan mang lại (*động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc các sự kiện bất khả kháng khác*) làm nội dung công việc của gói thầu bị gián đoạn hoặc không thể triển khai được trong trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành nhiệm vụ thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành nhiệm vụ, Bên B báo cáo Bên A và cùng nhau xem xét giải quyết vướng mắc, khó khăn. Bên A báo cáo UBND tỉnh Lai Châu xem xét, chấp thuận gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, khi được UBND tỉnh Lai Châu chấp thuận gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì hai bên ký phụ lục điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng, nội dung công việc phải thực hiện hợp đồng.

Điều 21. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A có thể chấm dứt hợp đồng với Bên B có vi phạm một trong các điều khoản sau:

a) Đến $\frac{1}{2}$ thời gian thực hiện gói thầu, bên B chưa thực hiện khối lượng tương ứng; Khi kết thúc thời gian thực hiện gói thầu các khối lượng không đủ điều kiện nghiệm thu và chưa thực hiện;

b) Bên B bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;

c) Có bằng chứng cho thấy Bên B đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu năm 2013 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;

d) Trong quá trình thực hiện gói thầu, nếu đột xuất bên A đi kiểm tra mà nhân sự hoặc máy móc thi công của bên B không đáp ứng theo yêu cầu kế hoạch mà bên B đề xuất trong HSDT mà bên B không nêu được lý do giải trình hợp lý.

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo khoản 1 điều này thì Bên A phải có trách nhiệm thông báo cho Bên B bằng văn bản trước 10 ngày. Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường

cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này và vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không chấm dứt, chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.

Điều 22. Phát hiện sai sót, khắc phục sai sót và phạt thực hiện hợp đồng

1. Bên A thực hiện đánh giá chất lượng Gói thầu số 05: Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo khối lượng, chất lượng sản phẩm được phê duyệt tại Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh Lai Châu và các yêu cầu trong hồ sơ mời thầu của bên A; các đề xuất trong hồ sơ dự thầu của bên B được bên A chấp thuận. Bên A có thể hướng dẫn Bên B tự đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc Bên A cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót ngay sau khi có ý kiến của Bên A.

2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Bên B thi công Gói thầu số 05: Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu, trước khi kết thúc hợp đồng, Bên A thông báo cho Bên B sai sót cần khắc phục. Khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Bên A quy định trong thông báo. Trường hợp Bên B không khắc phục sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Bên A sẽ đánh giá chi phí để khắc phục sai sót và yêu cầu Bên B thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Bên B như quy định tại Điều 17 của Hợp đồng này.

Điều 23. Nhân sự và thiết bị của bên B

Bên B phải huy động đầy đủ nhân lực, máy móc, thiết bị và các phương tiện cần thiết khác để thực hiện các nội dung công việc theo hợp đồng đã ký kết giữa 2 bên;

Điều 24. An toàn lao động

1. Bên B phải thường xuyên kiểm tra, giám sát về an toàn lao động, có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động theo quy định khi sử dụng lao động.

2. Khi có sự cố về an toàn lao động, Bên B có trách nhiệm xử lý và báo cáo ngay với cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Bên B không đảm bảo an toàn lao động gây ra.

Điều 25. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 15 ngày sau khi nhận được Biên bản nghiệm thu hoàn thành chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm; Biên bản bàn giao sản phẩm hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của Hợp đồng, Bên B sẽ giao nộp cho Bên A 10 bộ hồ sơ quyết toán Hợp đồng với tài liệu tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy trình, quy phạm chuyên ngành.

2. Thanh lý Hợp đồng

a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký;
- Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Điều 21 của Hợp đồng này.

b) Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày các bên tham gia Hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo Điểm a khoản 2 Điều này.

3. Chấm dứt trách nhiệm của Bên A sẽ không chịu trách nhiệm với Bên B về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo Hợp đồng hoặc liên quan đến Hợp đồng và thanh lý Hợp đồng

Điều 26. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và Bên A đã nhận được bảo đảm thực hiện Hợp đồng của Bên B.

2. Tính pháp lý của Hợp đồng:

a) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Bên A, Bên B và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện.

b) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài Hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 27. Điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những Điều, khoản đã quy định trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên cùng nhau bàn bạc để giải quyết. Mọi thay đổi của hợp đồng đều phải được lập thành văn bản để làm cơ sở thực hiện.

2. Hợp đồng này bao gồm 13 trang và phụ lục kèm theo, được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 06 bản, Bên B giữ 02 bản./.



Ngô Xuân Hùng



PGS.TS. Trần Đình Kiên

PHỤ LỤC SỐ 01: BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số: 2212/2023/HĐKT/STNMT-CODECO, ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lai Châu và Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất)



Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
1	Chi phí phần mềm nội bộ	1.262.315.271	0	1.262.315.271
2	Chi phí xây dựng cơ sở dữ liệu	1.323.363.826	132.336.383	1.455.700.209
Tổng giá trị		2.585.679.142	132.336.383	2.718.015.480

(Bằng chữ: Hai tỷ, bảy trăm mười tám triệu, không trăm mười năm nghìn, bốn trăm tám mươi đồng).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM TRA KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN
(Lần thứ nhất)

**Gói thầu số 05: “Xây dựng phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu” thuộc Dự án
“Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; hệ thống
máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn
tỉnh Lai Châu**

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 2212/2023/HĐKT/STNMT-CODECO ký ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc thực hiện Gói thầu số 5: “Xây dựng phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu” thuộc Dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu” giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu với Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Biên bản xác nhận khối lượng thực hiện (lần thứ nhất) Gói thầu số 5: “Xây dựng phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu” thuộc Dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu” giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu với Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất;

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2023, tại Sở Tài nguyên và Môi trường Lai Châu chúng tôi gồm:

1. Chủ đầu tư (Bên giao thầu_bên A): Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu

- Địa chỉ: Tầng 3, Nhà F, Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh Lai Châu, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu

- Điện thoại: 02133.791.905; Fax :

- Đại diện là ông: Ngô Xuân Hùng - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở, Trưởng Ban kiêm nhiệm quản lý các chương trình, dự án thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu

- Ông: Vũ Đức Doan – Chức vụ Phó trưởng phòng Khoáng sản tài nguyên, thành viên Ban kiêm nhiệm quản lý các chương trình, dự án thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu

2. Nhà thầu (bên B): Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất

- Địa chỉ: Số 36, ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

- Điện thoại: 84(24) 3755 0428 Fax:

- Đại diện là ông: Trần Đình Kiên

Các bên thống nhất kiểm tra khối lượng thực hiện (lần thứ nhất) Gói thầu số 5: “Xây dựng phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu” thuộc Dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu”, như sau:

1. Khối lượng thực hiện: Các bên thống nhất khối lượng đã thực hiện (lần thứ nhất), như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng
I	RÀ SOÁT VÀ PHÂN TÍCH NỘI DUNG THÔNG TIN DỮ LIỆU		
1	Rà soát, phân loại các thông tin dữ liệu cần đưa vào cơ sở dữ liệu		
1.1	Rà soát, đánh giá và phân loại chi tiết dữ liệu đã được chuẩn hóa và chưa được chuẩn hóa	Bộ dữ liệu	1
1.2	Chuẩn bị dữ liệu mẫu	Bộ dữ liệu	1
2	Phân tích nội dung thông tin dữ liệu		
2.1	Xác định danh mục các đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0
2.2	Xác định chi tiết các thông tin cho từng đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0
2.3	Xác định chi tiết các ràng buộc giữa các đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0
2.3	Xác định chi tiết các ràng buộc giữa các đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0
2.4	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng cơ sở dữ liệu	CSDL	1
2.5	Xác định chi tiết các tài liệu quét (tài liệu đính kèm) và các tài liệu dạng giấy cần nhập vào cơ sở dữ liệu từ bàn phím	Bộ dữ liệu	1
2.6	Xác định khung danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu sử dụng trong cơ sở dữ liệu	CSDL	1

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng
2.7	Quy đổi đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0
II	THIẾT KẾ MÔ HÌNH CƠ SỞ DỮ LIỆU		
1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu.	CSDL	1
2	Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu	ĐTQL	11,0
3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình dữ liệu	ĐTQL	11,0
III	TẠO LẬP DỮ LIỆU CHO DANH MỤC DỮ LIỆU, SIÊU DỮ LIỆU		
1	Tạo lập nội dung cho danh mục dữ liệu	ĐTQL	11,0
2	Tạo lập nội dung cho siêu dữ liệu	ĐTQL	11,0
IV	TẠO LẬP DỮ LIỆU CHO CƠ SỞ DỮ LIỆU		
1	Chuyển đổi dữ liệu		
1.1	Chuẩn hóa phong chữ	ĐTQL	1,1
1.2	Chuẩn hóa dữ liệu phi không gian theo thiết kế mô hình.	ĐTQL	9,9
1.3	Chuyển đổi dữ liệu sau khi đã được chuẩn hóa vào CSDL	ĐTQL	11,0
2	Quét tài liệu		
2.1	Quét (chụp) các tài liệu	Trang A4	2400
2.2	Xử lý và đính kèm tài liệu quét	Trang A4	2400
3	Nhập, đối soát dữ liệu		
3.1	Nhập dữ liệu dạng giấy phi không gian		
3.1.1	Nhập dữ liệu có cấu trúc cho đối tượng phi không gian	Trường	2000
3.1.2	Nhập dữ liệu có cấu trúc cho đối tượng không gian	Trường	1000
3.2	Đối soát dữ liệu		
3.2.1	Đối soát dữ liệu có cấu trúc cho đối tượng phi không gian	Trường	2000
3.2.2	Đối soát dữ liệu có cấu trúc cho đối tượng không gian	Trường	1000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng
V	BIÊN TẬP DỮ LIỆU		
1	Tuyên bố đối tượng	ĐTQL	1,1
2	Sửa lỗi tương quan của dữ liệu không gian	ĐTQL	1,1
3	Hiệu chỉnh nội dung cho dữ liệu phi không gian	ĐTQL	9,9
4	Trình bày hiển thị dữ liệu không gian	ĐTQL	1,1
VI	KIỂM TRA SẢN PHẨM		
1	Kiểm tra mô hình dữ liệu	ĐTQL	11,0
2	Kiểm tra nội dung CSDL	ĐTQL	11,0
3	Kiểm tra danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu	ĐTQL	11,0
VII	PHỤC VỤ NGHIỆM THU VÀ GIAO NỘP SẢN PHẨM		
1	Lập báo cáo tổng kết kỹ thuật và phục vụ nghiệm thu sản phẩm	ĐTQL	11,0
2	Đóng gói các sản phẩm dạng giấy và dạng số	ĐTQL	11,0
3	Giao nộp sản phẩm	CSDL	1

2. Tiến độ thực hiện: Đảm bảo tiến độ thực hiện đã ký giữa 2 bên.

Biên bản được lập thành 09 bản có giá trị pháp lý như nhau, Chủ đầu tư giữ 06 bản, Nhà thầu giữ 03 bản làm căn cứ thanh lý hợp đồng sau này./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**



Trần Đình Kiên

**ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Xuân Hùng



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM TRA, NGHIỆM THU

Dự án: Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản

trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Gói thầu số 5: Xây dựng phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu

Hạng mục: Xây dựng cơ sở dữ liệu

Thông tư số 58/2015/TT - BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2015 về việc Quy định thẩm định, kiểm tra và nghiệm thu dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành tài nguyên và môi trường; Quyết định số 339/QĐ- BTN&MT ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính thông tư số 58/2015/TT- BTN&MT ngày 18 tháng 12 năm 2015;

Thông tư 26/2014/TT-BTNMT ngày 28/05/2014 – Quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết nhiệm vụ: Xây dựng cơ sở dữ liệu khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ: Xây dựng cơ sở dữ liệu khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Hợp đồng dịch vụ tư vấn số: 2212/2023/HĐKT/STNMT-CODECO ký ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc thực hiện Gói thầu số 5: “Xây dựng phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu” thuộc Dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu” giữa Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh Lai Châu với Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Sản phẩm, hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu cấp đơn vị thi công của Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất và kết quả kiểm tra của Trung tâm Kiểm định sản phẩm công nghệ thông tin.

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại Trung tâm Kiểm định sản phẩm công nghệ thông tin, chúng tôi gồm:

A. Bên kiểm tra: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH SẢN PHẨM CNTT

Địa chỉ: Số 28 Phạm Văn Đồng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024-62542076

Fax: 024.37548925

Đại diện:

- Ông: Lê Huy Toàn

Chức vụ: Giám đốc

- Ông: Nguyễn Tùng Anh

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

B. Bên được kiểm tra: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 84(24) 3755 0428

Đại diện:

Ông: Trần Đình Kiên

- Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Đức Anh

- Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

Hai bên cùng thống nhất lập biên bản kiểm tra nghiệm thu như sau:

1. Đã kiểm tra những công việc sau:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Chất lượng
			Được phê duyệt	Thi công	Kiểm tra nghiệm thu	
I	RÀ SOÁT, PHÂN TÍCH NỘI DUNG THÔNG TIN DỮ LIỆU					
1	Rà soát, phân loại nội dung thông tin dữ liệu					
1.1	Rà soát, đánh giá và phân loại chi tiết dữ liệu đã được chuẩn hóa và chưa được chuẩn hóa	Bộ dữ liệu	1	1	1	Đạt yêu cầu

1.2	Chuẩn bị dữ liệu mẫu	Bộ dữ liệu	1	1	1	Đạt yêu cầu
2	<i>Phân tích nội dung thông tin dữ liệu</i>					
2.1	Xác định danh mục các đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
2.2	Xác định chi tiết các thông tin cho từng đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
2.3	Xác định chi tiết các ràng buộc giữa các đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
2.4	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng cơ sở dữ liệu	CSDL	1,0	1,0	1,0	Đạt yêu cầu
2.5	Xác định chi tiết các tài liệu quét (tài liệu đính kèm) và các tài liệu dạng giấy cần nhập vào cơ sở dữ liệu từ bàn phím	Bộ dữ liệu	1,0	1,0	1,0	Đạt yêu cầu
2.6	Xác định khung danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu sử dụng trong cơ sở dữ liệu	CSDL	1,0	1,0	1,0	Đạt yêu cầu
2.7	Quy đổi đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
3	Thiết kế mô hình CSDL					
3.1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu	CSDL	1	1	1	Đạt yêu cầu
3.2	Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
3.3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình cơ sở dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
II	THIẾT KẾ MÔ HÌNH CƠ SỞ DỮ LIỆU					

1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu.	CSDL	1	1	1	Đạt yêu cầu
2	Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Chưa đạt yêu cầu
3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
III	TẠO LẬP DỮ LIỆU CHO DANH MỤC DỮ LIỆU, SIÊU DỮ LIỆU					
1	Tạo lập nội dung cho danh mục dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
2	Tạo lập nội dung cho siêu dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
IV	TẠO LẬP DỮ LIỆU CHO CƠ SỞ DỮ LIỆU					
1	Chuyển đổi dữ liệu					
1.1	Chuẩn hóa phong chữ	ĐTQL	1,1	1,1	1,1	Đạt yêu cầu
1.2	Chuẩn hóa dữ liệu phi không gian theo thiết kế mô hình.	ĐTQL	9,9	9,9	9,9	Đạt yêu cầu
1.3	Chuyển đổi dữ liệu sau khi đã được chuẩn hóa vào CSDL	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
2	Quét chụp tài liệu					
2.1	Quét (chụp) các tài liệu	Trang A4	2.400	2.400	2.400	Đạt yêu cầu
2.2	Xử lý và đính kèm tài liệu quét	Trang A4	2.400	2.400	2.400	Đạt yêu cầu
3	Nhập và đối soát dữ liệu					
3.1	Nhập dữ liệu dạng giấy (phi không gian)					
3.1.1	Nhập dữ liệu có cấu trúc cho đối tượng phi không gian	Trường	2.000	2.000	2.000	Đạt yêu cầu
3.1.2	Nhập dữ liệu phi cấu trúc cho đối tượng phi không gian	Trang A4	1.000	1.000	1.000	Đạt yêu cầu
3.2	Đối soát dữ liệu					

3.2.1	Đối soát dữ liệu có cấu trúc cho đối tượng phi không gian	Trường	2.000	2.000	2.000	Đạt yêu cầu
3.2.2	Đối soát dữ liệu phi cấu trúc cho đối tượng phi không gian	Trang A4	1.000	1.000	1.000	Đạt yêu cầu
V	BIÊN TẬP DỮ LIỆU					
1	Tuyên bố đối tượng	ĐTQL	1,1	1,1	1,1	Đạt yêu cầu
2	Sửa lỗi tương quan của dữ liệu không gian	ĐTQL	1,1	1,1	1,1	Đạt yêu cầu
3	Hiệu đính nội dung cho dữ liệu phi không gian	ĐTQL	9,9	9,9	9,9	Đạt yêu cầu
4	Trình bày hiển thị dữ liệu không gian	ĐTQL	1,1	1,1	1,1	Đạt yêu cầu
VI	KIỂM TRA SẢN PHẨM					
1	Kiểm tra mô hình dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
2	Kiểm tra nội dung CSDL	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
3	Kiểm tra danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
VII	PHỤC VỤ NGHIỆM THU VÀ GIAO NỘP SẢN PHẨM					
1	Lập báo cáo tổng kết kỹ thuật và phục vụ nghiệm thu sản phẩm	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
2	Đóng gói các sản phẩm dạng giấy và dạng số	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
3	Giao nộp sản phẩm	CSDL	1	1	1	Đạt yêu cầu

2. Nhận xét:

Các sản phẩm của Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mô - Địa chất đã có đủ theo nội dung hạng mục “Xây dựng cơ sở dữ liệu” thuộc gói thầu số 5: “Xây dựng phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu” thuộc dự án

“Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu”. Tuy nhiên trong Báo cáo thuyết minh mô hình cơ sở dữ liệu còn chưa đầy đủ theo phiếu ý kiến kiểm tra. Đề nghị đơn vị thi công rà soát bổ sung.

3. Ý kiến của người kiểm tra: Đạt yêu cầu

4. Ý kiến người được kiểm tra: Không

Biên bản kèm theo Phiếu ghi ý kiến kiểm tra, lập thành 05 (năm) bản, có giá trị như nhau để lập hồ sơ nghiệm thu và lưu.

Cán bộ kỹ thuật kiểm tra

Cán bộ kỹ thuật được kiểm tra



Nguyễn Tùng Anh

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KIỂM TRA
GIÁM ĐỐC**



Lê Huy Toàn



Nguyễn Đức Anh

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG
GIÁM ĐỐC**



Trần Đình Kiên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG

Dự án: Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản

trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Gói thầu số 5: Xây dựng phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu

Hạng mục: Xây dựng cơ sở dữ liệu

Căn cứ kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm của Trung tâm Kiểm định sản phẩm công nghệ thông tin, đối với hạng mục “Xây dựng cơ sở dữ liệu” thuộc gói thầu số 5: “Xây dựng phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu” thuộc dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu”, của Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất.

Hôm nay ngày 29 tháng 12 năm 2023, chúng tôi gồm:

A. Bên kiểm tra: TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH SẢN PHẨM CNTT

Địa chỉ: Số 28 Phạm Văn Đồng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 024.62542076

Fax: 024.37548925

Đại diện:

- Ông: Lê Huy Toàn

Chức vụ: Giám đốc

- Ông: Nguyễn Tùng Anh

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

B. Bên được kiểm tra: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 84(24) 3755 0428

Đại diện:

Ông: Trần Đình Kiên

- Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Đức Anh

- Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

Hai bên cùng thống nhất lập biên bản kiểm tra chất lượng như sau:

Hai bên thống nhất lập Biên bản với các điều khoản sau:

Điều 1. Khối lượng sản phẩm

Khối lượng sản phẩm đã thi công và giao nộp:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng		
			Được phê duyệt	Thi công	Kiểm tra nghiệm thu
I	RÀ SOÁT, PHÂN TÍCH NỘI DUNG THÔNG TIN DỮ LIỆU				
1	Rà soát, phân loại nội dung thông tin dữ liệu				
1.1	Rà soát, đánh giá và phân loại chi tiết dữ liệu đã được chuẩn hóa và chưa được chuẩn hóa	Bộ dữ liệu	1	1	1
1.2	Chuẩn bị dữ liệu mẫu	Bộ dữ liệu	1	1	1
2	Phân tích nội dung thông tin dữ liệu				
2.1	Xác định danh mục các đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0	11,0	11,0
2.2	Xác định chi tiết các thông tin cho từng đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0	11,0	11,0
2.3	Xác định chi tiết các ràng buộc giữa các đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0	11,0	11,0
2.4	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng cơ sở dữ liệu	CSDL	1,0	1,0	1,0
2.5	Xác định chi tiết các tài liệu quét (tài liệu đính kèm) và các tài liệu dạng giấy cần nhập vào cơ sở dữ liệu từ bàn phím	Bộ dữ liệu	1,0	1,0	1,0
2.6	Xác định khung danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu sử dụng trong cơ sở dữ liệu	CSDL	1,0	1,0	1,0
2.7	Quy đổi đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0	11,0	11,0
3	Thiết kế mô hình CSDL				
3.1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu	CSDL	1	1	1
3.2	Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0

3.3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình cơ sở dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0
II	THIẾT KẾ MÔ HÌNH CƠ SỞ DỮ LIỆU				
1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu.	CSDL	1	1	1
2	Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0
3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0
III	TẠO LẬP DỮ LIỆU CHO DANH MỤC DỮ LIỆU, SIÊU DỮ LIỆU				
1	Tạo lập nội dung cho danh mục dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0
2	Tạo lập nội dung cho siêu dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0
IV	TẠO LẬP DỮ LIỆU CHO CƠ SỞ DỮ LIỆU				
1	Chuyển đổi dữ liệu				
1.1	Chuẩn hóa phong chữ	ĐTQL	1,1	1,1	1,1
1.2	Chuẩn hóa dữ liệu phi không gian theo thiết kế mô hình.	ĐTQL	9,9	9,9	9,9
1.3	Chuyển đổi dữ liệu sau khi đã được chuẩn hóa vào CSDL	ĐTQL	11,0	11,0	11,0
2	Quét chụp tài liệu				
2.1	Quét (chụp) các tài liệu	Trang A4	2.400	2.400	2.400
2.2	Xử lý và đính kèm tài liệu quét	Trang A4	2.400	2.400	2.400
3	Nhập và đối soát dữ liệu				
3.1	Nhập dữ liệu dạng giấy (phi không gian)				
3.1.1	Nhập dữ liệu có cấu trúc cho đối tượng phi không gian	Trường	2.000	2.000	2.000
3.1.2	Nhập dữ liệu phi cấu trúc cho đối tượng phi không gian	Trang A4	1.000	1.000	1.000
3.2	Đối soát dữ liệu				
3.2.1	Đối soát dữ liệu có cấu trúc cho đối tượng phi không gian	Trường	2.000	2.000	2.000

3.2.2	Đối soát dữ liệu phi cấu trúc cho đối tượng phi không gian	Trang A4	1.000	1.000	1.000
V	BIÊN TẬP DỮ LIỆU				
1	Tuyên bố đối tượng	ĐTQL	1,1	1,1	1,1
2	Sửa lỗi tương quan của dữ liệu không gian	ĐTQL	1,1	1,1	1,1
3	Hiệu đính nội dung cho dữ liệu phi không gian	ĐTQL	9,9	9,9	9,9
4	Trình bày hiển thị dữ liệu không gian	ĐTQL	1,1	1,1	1,1
VI	KIỂM TRA SẢN PHẨM				
1	Kiểm tra mô hình dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0
2	Kiểm tra nội dung CSDL	ĐTQL	11,0	11,0	11,0
3	Kiểm tra danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0
VII	PHỤC VỤ NGHIỆM THU VÀ GIAO NỘP SẢN PHẨM				
1	Lập báo cáo tổng kết kỹ thuật và phục vụ nghiệm thu sản phẩm	ĐTQL	11,0	11,0	11,0
2	Đóng gói các sản phẩm dạng giấy và dạng số	ĐTQL	11,0	11,0	11,0
3	Giao nộp sản phẩm	CSDL	1	1	1

Điều 2. Chất lượng sản phẩm

Trung tâm Kiểm định sản phẩm Công nghệ thông tin đã tiến hành kiểm tra chất lượng sản phẩm hạng mục “Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch tài nguyên đất” thuộc dự án Điều tra, khảo sát, xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

TT	Hạng mục công việc	Đơn	Khối lượng	Chất
----	--------------------	-----	------------	------

		vị tính	Được phê duyet	Thi công	Kiểm tra thử nghiệm thu	lượng
I	RÀ SOÁT, PHÂN TÍCH NỘI DUNG THÔNG TIN DỮ LIỆU					
1	<i>Rà soát, phân loại nội dung thông tin dữ liệu</i>					
1.1	Rà soát, đánh giá và phân loại chi tiết dữ liệu đã được chuẩn hóa và chưa được chuẩn hóa	Bộ dữ liệu	1	1	1	Đạt yêu cầu
1.2	Chuẩn bị dữ liệu mẫu	Bộ dữ liệu	1	1	1	Đạt yêu cầu
2	<i>Phân tích nội dung thông tin dữ liệu</i>					
2.1	Xác định danh mục các đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
2.2	Xác định chi tiết các thông tin cho từng đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
2.3	Xác định chi tiết các ràng buộc giữa các đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
2.4	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng cơ sở dữ liệu	CSDL	1,0	1,0	1,0	Đạt yêu cầu
2.5	Xác định chi tiết các tài liệu quét (tài liệu đính kèm) và các tài liệu dạng giấy cần nhập vào cơ sở dữ liệu từ bàn phím	Bộ dữ liệu	1,0	1,0	1,0	Đạt yêu cầu
2.6	Xác định khung danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu sử dụng trong cơ sở dữ liệu	CSDL	1,0	1,0	1,0	Đạt yêu cầu
2.7	Quy đổi đối tượng quản lý	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
3	Thiết kế mô hình CSDL					

3.1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu	CSDL	1	1	1	Đạt yêu cầu
3.2	Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
3.3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình cơ sở dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
II	THIẾT KẾ MÔ HÌNH CƠ SỞ DỮ LIỆU					
1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu.	CSDL	1	1	1	Đạt yêu cầu
2	Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
III	TẠO LẬP DỮ LIỆU CHO DANH MỤC DỮ LIỆU, SIÊU DỮ LIỆU					
1	Tạo lập nội dung cho danh mục dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
2	Tạo lập nội dung cho siêu dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
IV	TẠO LẬP DỮ LIỆU CHO CƠ SỞ DỮ LIỆU					
1	Chuyển đổi dữ liệu					
1.1	Chuẩn hóa phong chữ	ĐTQL	1,1	1,1	1,1	Đạt yêu cầu
1.2	Chuẩn hóa dữ liệu phi không gian theo thiết kế mô hình.	ĐTQL	9,9	9,9	9,9	Đạt yêu cầu
1.3	Chuyển đổi dữ liệu sau khi đã được chuẩn hóa vào CSDL	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
2	Quét chụp tài liệu					
2.1	Quét (chụp) các tài liệu	Trang A4	2.400	2.400	2.400	Đạt yêu cầu
2.2	Xử lý và đính kèm tài liệu quét	Trang A4	2.400	2.400	2.400	Đạt yêu cầu
3	Nhập và đối soát dữ liệu					
3.1	<i>Nhập dữ liệu dạng giấy (phi không gian)</i>					

3.1. 1	Nhập dữ liệu có cấu trúc cho đối tượng phi không gian	Trường	2.000	2.000	2.000	Đạt yêu cầu
3.1. 2	Nhập dữ liệu phi cấu trúc cho đối tượng phi không gian	Trang A4	1.000	1.000	1.000	Đạt yêu cầu
3.2	Đổi soát dữ liệu					
3.2. 1	Đổi soát dữ liệu có cấu trúc cho đối tượng phi không gian	Trường	2.000	2.000	2.000	Đạt yêu cầu
3.2. 2	Đổi soát dữ liệu phi cấu trúc cho đối tượng phi không gian	Trang A4	1.000	1.000	1.000	Đạt yêu cầu
V	BIÊN TẬP DỮ LIỆU					
1	Tuyên bố đối tượng	ĐTQL	1,1	1,1	1,1	Đạt yêu cầu
2	Sửa lỗi tương quan của dữ liệu không gian	ĐTQL	1,1	1,1	1,1	Đạt yêu cầu
3	Hiệu đính nội dung cho dữ liệu phi không gian	ĐTQL	9,9	9,9	9,9	Đạt yêu cầu
4	Trình bày hiển thị dữ liệu không gian	ĐTQL	1,1	1,1	1,1	Đạt yêu cầu
VI	KIỂM TRA SẢN PHẨM					
1	Kiểm tra mô hình dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
2	Kiểm tra nội dung CSDL	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
3	Kiểm tra danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
VII	PHỤC VỤ NGHIỆM THU VÀ GIAO NỘP SẢN PHẨM					
1	Lập báo cáo tổng kết kỹ thuật và phục vụ nghiệm thu sản phẩm	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
2	Đóng gói các sản phẩm dạng giấy và dạng số	ĐTQL	11,0	11,0	11,0	Đạt yêu cầu
3	Giao nộp sản phẩm	CSDL	1	1	1	Đạt yêu cầu

Điều 3. Kết luận

Các sản phẩm của Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất đạt chất lượng theo nội dung hạng mục “Xây dựng cơ sở dữ liệu” thuộc gói thầu số 5: “Xây dựng phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu” thuộc dự án: “Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh; hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu”, đã phê duyệt và các quy trình, quy phạm kỹ thuật.

Biên bản này lập thành 04 bản có giá trị như nhau làm căn cứ đề nghị chủ đầu tư thanh, quyết toán cho đơn vị thi công.

Cán bộ kỹ thuật kiểm tra



Nguyễn Tùng Anh

Cán bộ kỹ thuật được kiểm tra



Nguyễn Đức Anh

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KIỂM TRA
GIÁM ĐỐC**



Lê Huy Toàn

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG
GIÁM ĐỐC**



Trần Đình Kiên